BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2015 – 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

TP. HỒ CHÍ MINH, 3/2015

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC 1
PHẦN MỞ ĐẦU 3
PHẦN I. CĂN CỨ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC 4
PHẦN II. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI 6
PHẦN III. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG HUFI 8
3.1. Bối cảnh chung quốc tế và khu vực 8
3.1.1. Tình hình về chính trị 8
3.1.2. Tình hình về kinh tế 8
3.1.3. Tình hình về giáo dục đào tạo 9
3.2. Tình hình trong nước 10
3.2.1. Tình hình chính trị 10
3.2.2. Tình hình kinh tế 10
3.2.3. Tình hình giáo dục và đào tạo 12
3.2.4. Tình hình khoa học và công nghệ 13
3.2.5. Tình hình hợp tác quốc tế 15
3.3. Thời cơ và thách thức 15
3.3.1. Thời cơ 15
3.3.2. Thách thức 16
3.4. Thực trạng nhà trường hiện nay. 17
3.4.1. Công tác đào tạo và học sinh – sinh viên 17
3.4.2. Khoa học công nghệ 19
3.4.3. Hợp tác quốc tế 19
3.4.4. Về tổ chức và quản lý trường 20
3.4.5. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho đào tạo và NCKH 20
3.4.6. Hoạt động tài chính 21
3.5. Mục đích, quan điểm phát triển 21
PHẦN IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020 24
4.1. Mục tiêu tổng quát 24
4.2. Mục tiêu cụ thể 24

4.2.1. Đổi mới công tác quản lý 24
4.2.2. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý 25
4.2.3. Chiến lược phát triển đào tạo 26
4.2.4. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế.....28
4.2.5. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính 29
4.2.6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật.....30
4.2.7. Công tác học sinh sinh viên.....31
4.2.8. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát 31
4.3. Lộ trình thực hiện.....32
4.3.1. Giai đoạn 2015 – 2018 32
4.3.2. Giai đoạn 2018 – 2010 33
4.4. Tổ chức thực hiện.....33
4.4.1. Tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược.....33
4.4.2. Hệ thống chỉ số thực hiện để đo và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược 33
4.4.3. Tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện và kết quả.....34
PHẦN V. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 36
KẾT LUẬN.....37

PHẦN MỞ ĐẦU

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần XI đã khẳng định: "*Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt* " và "*Giáo dục đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng đất nước, xây dựng văn hóa và con người Việt Nam*". Cùng với chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã định hướng: "*Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược*". Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM giữ vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành công thương nói riêng và của đất nước nói chung.

Trong những năm qua, trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM đã từng bước khẳng định được uy tín, tạo được vị thế vững chắc trong giáo dục đại học về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học và đội ngũ cán bộ giảng dạy còn nhiều thiếu hụt chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo; mô hình và cơ chế quản lý bộc lộ nhiều bất cập. Trường cần phải xây dựng mô hình quản lý phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Vì vậy, việc hoạch định kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là yêu cầu bức thiết nhằm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM trong bối cảnh hiện nay.

PHẦN I
CĂN CỨ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM (HUFI) giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 dựa trên những căn cứ và cơ sở pháp lý sau:

- Luật số 08/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 ban hành Luật giáo dục đại học có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;

- Luật số 10/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 ban hành Bộ luật lao động có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013;

- Luật số 58/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2010 ban hành Luật viên chức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012;

- Luật số 74/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2014 ban hành Luật giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

- Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020;

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học có hiệu lực từ ngày 30 tháng 01 năm 2015;

- Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI nhiệm kỳ 2011-2016;

- Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ đã ban hành hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

- Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm: (i) Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (ii) Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (iii) Công khai tài chính;

- Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020;

- Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động với cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2014 – 2017;

- Căn cứ Quyết định 901/QĐ-TTg ngày 23/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM giai đoạn 2015 – 2017.

- Nghị quyết đại hội đảng bộ lần thứ XII nhiệm kỳ 2015-2020 trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM;

- Các văn bản hướng dẫn của các bộ ngành, địa phương và một số Quy chế, quy định của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM.

PHẦN II
TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN 2020

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM có những nền tảng cơ bản của một trường đại học theo hướng ứng dụng, với đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề nghiệp; đội ngũ cán bộ quản lý mạnh, tâm huyết, chuyên nghiệp; lực lượng sinh viên giỏi, chất lượng cao và thành công trong sự nghiệp; phương thức quản lý đại học phù hợp; cơ sở vật chất khang trang, đầy đủ và đồng bộ phục vụ giảng dạy và nghiên cứu; và các công trình nghiên cứu trọng điểm và các dự án chuyển giao công nghệ có giá trị trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế gắn liền với sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

SỨ MỆNH 2015

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM là trường đại học công lập phấn đấu đến năm 2020 trở thành trường đại học đạt chất lượng tầm quốc gia, đào tạo đa ngành; là Trung tâm nghiên cứu - phát triển và chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy.

MỤC TIÊU

Trường đảm bảo đào tạo các nhà kỹ thuật, nhà quản lý để cung cấp nguồn nhân lực phù hợp cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tăng cường hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các Trường đại học, Viện nghiên cứu trên thế giới, thỏa mãn ngày càng cao các yêu cầu của thị trường lao động về cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý trong khối ASEAN và các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Lắng nghe, thấu hiểu nhu cầu của người học và xã hội, đem lại cho người học môi trường học tập, nghiên cứu hiện đại để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng, sáng kiến lập nghiệp, tư duy độc lập, cạnh tranh quốc tế về cơ hội việc làm và học tập.
- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào giảng dạy và nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Tạo môi trường thuận lợi để tất cả mọi người phát huy sáng tạo, phát triển tài năng trong các lĩnh vực.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng giỏi, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

- Khuyến khích ứng dụng và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong môi trường làm việc, giảng dạy và học tập.

- Tự hào và phát huy truyền thống của trường, coi trọng chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu xã hội.

PHẦN III
BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG HUFI

3.1. Bối cảnh chung quốc tế và khu vực

3.1.1. Tình hình về chính trị

- Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính - tiền tệ, điện tử - viễn thông, sinh học, môi trường... còn tiếp tục gia tăng.

- Tình hình chính trị trên thế giới trong thời gian qua tương đối phức tạp do sự đối đầu và ảnh hưởng bởi lợi ích kinh tế giữa những nước lớn với nhau. Tuy nhiên, với định hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam đang có những ảnh hưởng rất tích cực, đặc biệt lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Những nước lớn trên thế giới như khối EU, Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc vẫn là những nước có tầm ảnh hưởng lớn về chính trị và quân sự, là trung tâm giáo dục và khoa học công nghệ hàng đầu thế giới. Những nước này hàng năm vẫn giúp Việt Nam những khoản kinh phí nhất định trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ bậc cao.

- Trung Quốc cũng đang nổi lên mạnh mẽ như là một đối trọng lớn về kinh tế, chính trị không những đối với khối ASEAN mà còn là sự lo lắng của nhiều nước trên thế giới. Sự phát triển của Trung Quốc rõ ràng có ảnh hưởng rất đáng kể đến nước ta trên nhiều mặt với vị trí là cửa ngõ của Trung Quốc để vào khối ASEAN.

- Nhật Bản và Hàn Quốc có vị trí quan trọng trong khu vực, mục tiêu chiến lược của hai nước này là duy trì và phát triển thành một cường quốc hàng đầu về ứng dụng khoa học - công nghệ thông qua chính sách phát triển giáo dục đào tạo và đầu tư thích đáng cho khoa học - công nghệ. Hiện Nhật Bản và Hàn Quốc đang từng bước gia tăng sức mạnh quân sự và vị thế chính trị trong khu vực.

3.1.2. Tình hình về kinh tế

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực.

- Nền kinh tế nói chung mang tính toàn cầu do có sự tự do về thương mại, đầu tư, tài chính dẫn đến sự phân bổ hợp lý hơn các nguồn lực sản xuất. Sự bất hợp lý trong quản lý kinh tế bị loại trừ dần thông qua cạnh tranh và hợp tác. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam hay các nước nghèo, đây là cơ hội tranh thủ được các nguồn lực quốc tế về yếu tố sản xuất như khoa học kỹ thuật, quản lý…, tuy

nhiên đây cũng là những thách thức lớn không kém khi mở cửa thị trường rộng rãi. Nhất là nguồn nhân lực sau đào tạo của các cơ sở giáo dục đào tạo chưa chuẩn bị đầy đủ các yếu tố cần thiết để hội nhập toàn cầu.

- Đối với các nước phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển đổi dần từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, các nước nghèo đang chuyển dần từ kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang kinh tế công nghiệp. Một số ngành công nghiệp đặc thù gây ô nhiễm môi trường như dệt may, giày da, đóng tàu, hóa chất, cơ khí, chế biến gỗ, chế biến thủy hải sản… của các nước phát triển đang được chuyển dần sang các nước đang phát triển.

- Hiện trên thế giới có ba khối kinh tế phát triển mạnh có ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu là Hoa Kỳ, EU và các nước Đông và Nam Á. Dự báo nền kinh tế Hoa Kỳ vẫn tăng trưởng và sẽ còn duy trì vị trí hàng đầu thế giới. EU đang nổi lên như là vị trí kinh tế thương mại hàng đầu thế giới nhưng không nhất quán về chiến lược, chính sách, thậm chí chia rẽ sâu sắc trong nội bộ nên ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức mạnh tổng hợp của một liên minh. Các quốc gia Đông và Nam Á đang là những biểu tượng về tăng trưởng kinh tế như Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam… dự báo những quốc gia này sẽ giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế trong khu vực. Trung Quốc, với đà tăng trưởng như hiện nay được dự báo sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới vào năm 2020 sau Hoa Kỳ và Nhật Bản.

- Vấn đề xung đột đang leo thang tại châu Âu, Trung đông… có thể tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới trong thời gian tới làm ảnh hưởng không nhỏ đến giáo dục và đào tạo.

- Các mô hình giáo dục tiên tiến của EU, Hoa Kỳ và một số nước đã và đang từng bước được nghiên cứu, nhập khẩu và áp dụng nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam, đã từng bước tiếp cận dần với nền giáo dục của các nước tiên tiến. Bên cạnh đó, tính hiệu quả và sự rèn luyện vượt trội về tinh thần, đạo đức trong nền giáo dục Nhật Bản cũng cần phải được quan tâm và triển khai áp dụng.

Tóm lại, sự phát triển của các quốc gia trên thế giới nói chung và trong khu vực nói riêng có vị trí chi phối nền kinh tế - chính trị thực sự giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và giáo dục của nước ta trong thời gian tới. Sự ảnh hưởng về giáo dục từ những nước như Hoa Kỳ và EU là hết sức đáng kể, đặc biệt là giáo dục đại học thể hiện rất rõ và lan tỏa trên nhiều lĩnh vực trong các khối khoa học cơ bản, khoa học quản lý, kỹ thuật công nghệ, kinh tế và tài chính…

3.1.3. Tình hình về giáo dục đào tạo

- Giao thoa, giao lưu và đa dạng văn hóa trong một quốc gia là cần thiết để phát huy tính tích cực và tiên phong của nó, nhưng phải đảm bảo phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là yêu cầu đặt ra cho các nước đang phát triển nhằm tránh nguy cơ bị đồng hóa bởi nền văn hóa của nước khác.

- Chương trình đào tạo và môi trường giáo dục phải là nơi vừa dung nạp được những kiến thức tinh hoa và văn hóa tiên tiến trên thế giới để hình thành một nền văn hóa dân tộc đương đại, vừa giúp tiếp thu, đề cao những yếu tố tiên tiến, đồng thời xóa bỏ những yếu tố cũ, hủ tục lạc hậu trong văn hóa dân tộc.

- Xây dựng những chính sách và chiến lược phát triển giáo dục nhằm đào tạo ra những công dân có ý thức trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội bên cạnh những kỹ năng nghề nghiệp phải đảm bảo tính hài hòa, công bằng xã hội kết hợp với sự tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

- Vấn đề việc làm trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sẽ ngày càng gay gắt hơn nhất là ở những nước đang phát triển. Hay nạn di dân từ những nước nghèo sang những nước giàu và đang phát triển, cùng với hệ quả đô thị hóa và sự lớn dần của những đô thị làm dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang lao động công nghiệp, dịch vụ cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm và thu nhập.

3.2. Tình hình trong nước

3.2.1. Tình hình chính trị

- Những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986 - 2011) đã tạo ra cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Năm năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta sẽ phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm; sẽ thực hiện nhiều hơn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào.

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu"diễn biến hoà bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" có những diễn biến phức tạp.

3.2.2. Tình hình kinh tế

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã khẳng định phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

- Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

- Phát triển đô thị phù hợp với quá trình phát triển kinh tế, theo quy hoạch dài hạn, không khép kín theo ranh giới hành chính và xử lý đúng mối quan hệ giữa đô thị hóa và hiện đại hóa nông thôn. Đẩy mạnh việc đưa công nghiệp và dịch vụ về

nông thôn để hạn chế tình trạng nông dân ra các thành phố, đồng thời không để một khu vực lãnh thổ rộng lớn nào trống vắng đô thị.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới... tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.

- Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Phát triển kinh tế thị trường, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách. Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển. Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, định hướng phát triển, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

- Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Gia nhập WTO, kinh tế Việt Nam thâm nhập nhiều hơn vào nền kinh tế thế giới. Thực tế này mang tính hai mặt, vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên nhiều phương diện. Sự cạnh tranh kinh tế với các quốc gia ngày càng quyết liệt, đòi hỏi phải tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hoá và đổi mới công nghệ một cách nhanh chóng… Cơ hội và thách thức đan xen nhau không chỉ về mặt kinh tế mà cả về văn hoá, xã hội. Thực chất đó là cơ hội và thách thức về yếu tố con người và về nguồn lực, đặc biệt về năng lực trí tuệ sáng tạo và ý chí vươn lên bền vững của con người, của cộng đồng và của toàn xã hội.

3.2.3. Tình hình giáo dục và đào tạo

- Giáo dục nước ta trong thập kỷ tới phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và phức tạp. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế trí thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã xác định rõ một trong ba đột phá là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thuận lợi to lớn, đồng thời cũng phát sinh nhiều thách thức đối với sự nghiệp phát triển giáo dục.

- Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức. Tập trung giải quyết vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỉ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Tiếp tục xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập; khuyến khích, tạo thuận lợi để người lao động học tập, nâng cao trình độ, tay nghề, đồng thời có cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài. Phát huy tiềm lực khoa học, công nghệ của đất nước, nâng cao nhanh năng suất lao động xã hội và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Tăng cường liên kết, khai thác, phát huy đúng tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế; tạo điều kiện cho phát triển và phát huy vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm, tạo sức lan tỏa, lôi cuốn các vùng kinh tế khác.

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Đề cao trách nhiệm của gia đình và xã hội phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong giáo dục thế hệ trẻ. Tiếp tục phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đầu tư hợp lý, có hiệu quả xây dựng một số cơ sở giáo dục, đào tạo đạt trình độ quốc tế.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, văn hoá đầu đàn; đội ngũ doanh nhân và lao động lành nghề. Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển

của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở đào tạo. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, đồng thời chú trọng đào tạo nghề cho nông dân; nâng cao tỉ lệ lao động qua đào tạo. Quan tâm hơn tới phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; thực hiện tốt chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người và gia đình có công, đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh giỏi, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo trên tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện hợp lý cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với đổi mới cơ chế tài chính. Làm tốt công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển, quản lý mục tiêu, chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển hệ thống kiểm định và công bố công khai kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo; tổ chức xếp hạng cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường công tác thanh tra; kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục, đào tạo. Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hoá giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

3.2.4. Tình hình khoa học và công nghệ

- Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hoá, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn. Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ "bốn nhà" (nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nước) và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn. Phát triển các hiệp hội nông dân và các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

- Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, gắn sản xuất với chế biến và thị trường, mở rộng xuất khẩu. Giữ vững diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và tăng giá trị xuất khẩu gạo. Mở rộng diện tích, áp dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng các loại rau, màu, cây ăn quả, cây công nghiệp có lợi thế. Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ tiên tiến.

- Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; nâng tỉ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng. Thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: nâng cao năng lực khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng.

- Phát triển năng lực khoa học, công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho những ngành, lĩnh vực then chốt, mũi nhọn, đảm bảo đồng bộ về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực. Nhà nước tăng mức đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ, các sản phẩm khoa học, công nghệ trọng điểm quốc gia, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học, công nghệ, xem đó là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học, công nghệ. Chuyển các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thị trường khoa học, công nghệ. Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước; xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả các chương trình, đề tài khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, lấy hiệu quả ứng dụng làm thước đo chủ yếu đánh giá chất lượng công trình. Thực hiện đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng; phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Khoa học xã hội làm tốt nhiệm vụ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong những ngành, những lĩnh vực then chốt, mũi nhọn. ưu tiên phát triển công nghệ cao, đồng thời sử dụng hợp lý công nghệ sử dụng nhiều lao động. Nhanh chóng hình thành một số cơ sở nghiên cứu - ứng dụng mạnh, gắn với các doanh nghiệp chủ lực, đủ sức tiếp thu, cải tiến và sáng tạo công nghệ mới. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ. Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu và phát triển trong nước với tiếp nhận công nghệ nước ngoài.

- Phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ tự động, nâng cao năng lực nghiên cứu - ứng dụng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, dựa nhiều vào tri thức. Phát huy và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tri thức của con người Việt Nam và khai thác nhiều nhất tri thức của nhân loại. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020;

- Khoa học - công nghệ phát triển ngày càng nhanh chóng trên quy mô toàn cầu là một xu hướng tất yếu. Sự thay đổi về khoa học - công nghệ luôn nhanh chóng hơn sự thay đổi chương trình giáo dục, đang đặt ra thách thức lớn cho ngành là phải luôn ở thế nắm bắt và cập nhật kiến thức mới vào nội dung, chương trình giáo dục. Những xu thế sau đây của phát triển khoa học - công nghệ tác động trực tiếp đến giáo dục và đào tạo:

+ Hướng đến một xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức: Sự nắm bắt kịp thời về thông tin và tri thức cũng như năng lực chuyển đổi nhanh chóng của tư duy đã trở thành yếu tố then chốt cho sự thành công của các cá nhân. Một chiến lược giáo dục hiệu quả là tạo ra được những cá nhân có năng lực toàn diện.

+ Sự phát triển liên tục của khoa học - công nghệ đòi hỏi mỗi cá nhân phải học tập suốt đời, hình thành các tổ chức học tập và xã hội học tập thường xuyên. Nền giáo dục phải đáp ứng được nhu cầu đó và trường đại học phải là môi trường học tập, nghiên cứu mở cho người học suốt đời.

+ Định hướng nhân văn cho sự phát triển khoa học - công nghệ: Khoa học - công nghệ có thể bị lạm dụng để phục vụ các mục tiêu cá nhân phi đạo đức, do đó giáo dục phải định hướng người học tới những mục tiêu nhân văn.

3.2.5. Tình hình hợp tác quốc tế

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến.

- Củng cố, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng có chung biên giới. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

3.3. Thời cơ và thách thức

3.3.1. Thời cơ

- Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm vừa qua và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cùng với Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực trong thời kỳ dân số vàng là tiền đề cơ bản để ngành giáo dục cùng các bộ, ngành, địa phương phát triển giáo dục.

- Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp

và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.

- Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

- Trường được sự ủng hộ cao của lãnh đạo các Bộ, thành phố và các địa phương, được xã hội tín nhiệm trong hoạt động đào tạo và NCKH. Trường đóng trên địa bàn dân cư lớn và kinh tế năng động bậc nhất đất nước, do đó nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học là rất lớn.

- Chủ trương lớn của Chính phủ và các Bộ, ngành có sự phân cấp quản lý theo hướng giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học. Vì thế trong thời gian sắp tới, công tác đầu tư và phát triển đội ngũ của trường chắc chắn sẽ được tăng cường.

- Trường có nhiều cựu sinh viên hiện đang giữ chức vụ cao trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhiều cựu sinh viên là những doanh nhân thành đạt, luôn sẵn sàng hỗ trợ trường phát triển.

3.3.2. Thách thức

- Ở trong nước, sự phân hóa trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt, gây nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền và cho các đối tượng người học.

- Nhu cầu phát triển nhanh giáo dục đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế theo chiều sâu tri thức với công nghệ tiên tiến và hội nhập quốc tế, trong khi đó nguồn lực đầu tư cho giáo dục là có hạn, sẽ tạo sức ép đối với phát triển giáo dục.

- Nguy cơ tụt hậu có thể làm cho khoảng cách kinh tế, tri thức, giáo dục giữa Việt Nam và các nước ngày càng gia tăng. Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường làm nảy sinh những vấn đề mới, như nguy cơ xâm nhập của văn hóa và lối sống không lành mạnh làm xói mòn bản sắc dân tộc, dịch vụ giáo dục kém chất lượng có thể gây nhiều rủi ro lớn đối với giáo dục đặt ra yêu cầu phải đổi mới cả về lý luận cũng như những giải pháp thực tiễn phù hợp để phát triển giáo dục.

- Mặc dù có những bước phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây nhưng trường vẫn phần nào chưa đáp ứng kịp nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đặc biệt là các tỉnh, thành khu vực phía Nam.

- Xu hướng toàn cầu hóa đòi hỏi trường phải đa dạng hóa loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo để có thể hòa nhập trong cộng đồng thế giới. Sản phẩm đào tạo của trường phải được công nhận ở nhiều nước trên thế giới. Đây là thách thức rất lớn của trường, đòi hỏi phải làm thế nào để hiện đại hóa công tác giáo dục đại học.

- Với nền kinh tế thị trường đang phát triển, việc cán bộ, giảng viên chuyển sang làm việc cho các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp hay các trường khác trong và ngoài nước với mức thu nhập hấp dẫn hơn, sự cạnh tranh gay gắt và công bằng hơn cũng là một vấn đề đáng lo ngại của trường hiện tại và tương lai.

- Trong thời gian tới, trường sẽ tự chủ hoàn toàn trong mọi hoạt động, do đó những áp lực về công tác tài chính, đầu tư, áp lực của xã hội và những cam kết đối với người học, với xã hội sẽ là rất lớn trong quá trình phát triển trường.

3.4. Thực trạng nhà trường hiện nay

3.4.1. Công tác đào tạo và học sinh – sinh viên

a) Công tác tuyển sinh

Tuyển sinh là một trong những khâu đầu tiên trong quá trình thực hiện tổ chức đào tạo. Có thể nói, trong những năm vừa qua, với sự thay đổi nhanh chóng về kinh tế và xã hội, giáo dục và đào tạo cũng chịu sự ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường. Trong giáo dục đã bắt đầu có sự cạnh tranh, chính vì vậy, nhà trường bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến công tác xây dựng thương hiệu; trong đó khâu tuyển sinh cũng là yếu tố quan trọng trong việc thu hút người học. HUFI cũng đã xác định tuyển sinh là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo. Hàng năm, HUFI luôn xây dựng kế hoạch tuyển sinh một cách phù hợp để thực hiện từ khâu thông tin, tư vấn đến khâu tổ chức thi. Kết quả về cơ bản, số lượng thí sinh đăng ký tham gia thi và xét tuyển rất đông, tạo điều kiện nhất định cho chất lượng đầu vào của HUFI. HUFI cũng đã tạo ra cho mình một thương hiệu nhất định và là địa điểm đào tạo đáng tin cậy đối với người học.

b) Quy mô đào tạo

Bắt đầu từ năm 2010, trường chính thức trở thành trường đại học đa ngành, đa bậc học. Trong suốt hơn 4 năm đào tạo từ 2010 đến nay, trường đã và đang tổ chức đào tạo từ trình độ trung cấp tới trình độ đại học; số ngành, nghề đào tạo bao gồm, đại học: 12 ngành, cao đẳng: 15 ngành, trung cấp: 14 ngành, cao đẳng nghề: 11 nghề. Lưu lượng người học tăng đều hàng năm, trong đó cơ cấu trình độ cũng được phân bố lại theo tỷ lệ giảm số lượng ở trình độ thấp, đồng thời tăng cường số lượng cho khối ngành công nghệ, đặc biệt khối hoá thực phẩm.

c) Chương trình đào tạo

Năm 2014, sau khi khóa đại học chính quy đầu tiên ra trường, HUFI đã tổng kết, rút kinh nghiệm việc xây dựng, triển khai và vận hành chương trình đào tạo. Với sự tham gia đóng góp của các chuyên gia hàng đầu về giáo dục của các trường đại học, viện nghiên cứu, lãnh đạo trường đã quyết định xây dựng lại chương trình đào tạo bậc đại học và cao đẳng theo hướng giảm tín chỉ (120 - 125TC cho hệ đại học và 90 - 95 TC cho hệ cao đẳng), theo chuẩn đầu ra của AUN (*Asean University Network*). Chương trình đào tạo đưa vào vận hành sẽ tạo thế mạnh cho các đơn vị đào tạo, cho ngành nghề đào tạo và đặc biệt có tính mềm dẻo và linh hoạt cho sinh viên trong quá trình học tập.

d) Chất lượng đào tạo

Để nâng cao chất lượng đào tạo, trong năm qua nhà trường tiếp tục đưa ra nhiều giải pháp thiết thực, đồng bộ từ công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát động các phong trào thi đua trọng tâm là thi đua "*Dạy tốt, học tốt*" và "*Đổi mới phương pháp dạy học*", "*Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không theo nhu cầu xã hội*" gắn với cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh*" trong toàn thể HSSV và cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường, cải tiến nội dung chương trình đào tạo, đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học bằng việc tổ chức thảo luận, hội thảo từ cơ sở đến toàn trường về việc làm gì để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; đến việc thành lập và kiện toàn phòng Thanh tra giáo dục, phát huy vai trò trách nhiệm của phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng để kiểm tra đánh giá chất lượng đào tạo một cách khách quan.

Thống kê hàng năm của trường qua điều tra tại các cơ sở sử dụng lao động cho thấy có trên 90% HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay, trong đó trên 80% có việc làm đúng ngành nghề. Các HSSV của trường được các doanh nghiệp đánh giá cao về chuyên môn, kỷ luật và đặc biệt khả năng giải quyết vấn đề.

e) Đào tạo theo nhu cầu xã hội, công tác xã hội hóa giáo dục

Về đào tạo liên kết đáp ứng nhu cầu xã hội: HUFI đã triển khai liên kết đào tạo tại các địa phương như Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Trung bộ để đào tạo nhân lực tại chỗ cho địa phương, mặt khác HUFI còn kết hợp với một số công ty như sữa Vinamilk, Đường Hậu giang, Đường Tây Ninh, Đường Sóc Trăng, Tổng công ty khoáng sản Việt Nam đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề,… quá trình tổ chức đào tạo liên kết đảm bảo đúng quy định, quy trình và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương.

Về đào tạo các lớp ngắn hạn: HUFI thường xuyên tổ chức đào tạo các lớp bổ túc nghề, vệ sinh an toàn thực phẩm, thủy sản, tin học, ngoại ngữ và các lớp đào tạo nâng bậc, đào tạo lại cho các xí nghiệp, công ty đóng trên địa bàn là những khách hàng quen thuộc của trường như Tổng Công ty Rượu bia nước giải khát Sài Gòn, Công ty Vinamilk, Công ty thuốc lá Sài gòn, Tổng công ty dầu, các xông ty bánh kẹo, .. với gần 5000 học viên/năm. Quá trình tổ chức đào tạo đúng quy chế, đảm bảo chất lượng được các doanh nghiệp đánh giá cao.

f) Giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục pháp luật, công tác học sinh sinh viên

Tất cả HSSV khóa mới khi nhập học xong đều được sinh hoạt công dân 01 tuần, nội dung sinh hoạt là phổ biến các nội quy quy chế về đào tạo, quy chế HSSV, các quy định của trường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, mại dâm, sinh hoạt đoàn, hội,… 100% học sinh sinh viên được phát cuốn sổ tay HSSV và cuốn niên giám đào tạo. Tổ chức tuyên truyền, học tập và xây dựng chương trình hành động các chủ đề xây dựng đơn vị văn hóa, văn hóa học đường, phòng chống ma túy, HIV-AID, giáo dục dân số, giới tính, kết quả tổng kết 7 năm qua trường không có ai vi phạm, bị xử lý.

3.4.2. Khoa học công nghệ

Với sự phát triển nhanh như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới, đào tạo nguồn nhân lực như thế nào để vừa thích ứng với kinh tế thị trường vừa đáp ứng nhu cầu phát triển của khoa học - công nghệ không chỉ là đòi hỏi bức xúc mà còn mang tính chiến lược của giáo dục đại học Việt Nam trong quá trình hội nhập. Nhà nước ta luôn đặt giáo dục cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Bước vào thế kỷ XXI, thế kỷ mà trí tuệ con người giữ vai trò có tính quyết định sự phát triển với những xu thế toàn cầu hóa, phát triển kinh tế tri thức, công nghệ cao nhất là công nghệ thông tin, xã hội học tập hình thành nền văn minh trí tuệ.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM giữ vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học - công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của ngành công thương nói riêng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp xứng đáng cho việc thực hiện thành công các chiến lược, phương hướng, kế hoạch mà đại hội đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra.

Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là một hoạt động không thể thiếu trong trường đại học. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính cho công tác này từ nhà nước còn rất ít, chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng nghiên cứu. Ngoài ra, một thực trạng cần quan tâm là mức độ triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa cao. Nhiều công trình khoa học có giá trị thực tiễn cao nhưng chưa được ứng dụng, do đó chưa khai thác hết hiệu quả nghiên cứu khoa học của trường.

3.4.3. Hợp tác quốc tế

Công tác hợp tác quốc tế (HTQT) của trường trong những năm vừa qua có những thay đổi cơ bản, hầu hết các hình thức hợp tác đã chuyển thành hợp tác hai bên cùng có lợi. Bên cạnh đó có nhiều trường đại học và các tổ chức đến trao đổi, thiết lập các mối quan hệ mới với trường, đặc biệt họ muốn khai thác những thế mạnh của trường trong lĩnh vực kinh tế và nguồn lực con người.

Các hoạt động HTQT được tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, nhiều dự án HTQT đã được khai thác triệt để và đem lại hiệu quả cao. Qua đó trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đã được nâng lên; nội dung và phương pháp giảng dạy được đổi mới, cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, thư viện, trang thiết bị cũng được tăng cường.

Uy tín của trường trước các đối tác quốc tế đã được nâng lên đáng kể, cơ hội hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học, các cơ sở giáo dục đào tạo trên thế giới và trong khu vực ngày càng tăng.

3.4.4. Về tổ chức và quản lý trường

Việc tổ chức quản lý và điều hành các mặt hoạt động của trường được thực hiện theo tinh thần "*dân chủ - công khai - công bằng*". Quan hệ giữa các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, chính quyền, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên trong trường đã thể hiện sự phân công và hợp tác; phát huy được động lực phát triển.

Trên tinh thần đó trường đã phân cấp nhằm tăng cường tính chủ động cho các đơn vị trong hoạt động, từ đó thực hiện tốt "*Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường*". Trường luôn chủ động đáp ứng sự thay đổi đang diễn ra để bổ sung, sửa đổi quy trình phân bổ nguồn lực, cấu trúc tổ chức quản lý, các chương trình giảng dạy một cách toàn diện nhất.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM là một trong những trường đại học đầu tiên ở khu vực phía Nam được thí điểm trao quyền tự chủ. Điều này cho phép trường thích ứng tốt hơn với thay đổi của môi trường bên ngoài và năng động hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh công tác tổ chức và quản lý. Công tác tổ chức bộ máy được tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của bộ máy. Sự hợp tác và hoạt động tích cực là một đặc trưng nổi bật của trường. Một trong những nhiệm vụ quan trọng là hợp lý hóa thế mạnh của trường hiện có để mở ra những cơ hội mới cho việc hợp tác đào tạo, nghiên cứu, phát triển các phần mềm ứng dụng kinh tế và tiết kiệm trong quản lý điều hành.

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM cũng là một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm được đánh giá cao về chất lượng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy. Giảng viên của trường được đào tạo từ nhiều nguồn trong và ngoài nước. Bên cạnh đó trường luôn chú trọng đến công tác giáo dục ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội cho đội ngũ giảng viên, cán bộ công chức và sinh viên của trường.

3.4.5. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho đào tạo và NCKH

Trường được xây dựng tại 4 cơ sở: cơ sở 1 với diện tích đất 0,309 ha và diện tích sàn xây dựng 5.454 m^2, nằm ở số 54/12 – Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp.HCM; cơ sở 2 với diện tích đất 1,099 ha và diện tích sàn xây dựng 16.906,8 m^2, nằm ở 140 – Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM; cơ sở 3 với diện tích đất 15,353 ha và diện tích sàn xây dựng 6.075 m^2 nằm ở Ấp Giồng Trôm, Xã Mỹ Chánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh và cơ sở Dạ Phi Cơ với diện tích đất 1,526 ha nằm ở thửa đất số 512, tờ bản đồ số 7, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp.HCM (nay là Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú). Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường thuê thêm 4 cơ sở với tổng diện tích đất 0,982 ha và diện tích sàn xây dựng 5.356,22 m^2.

Trường hiện có 120 phòng học lý thuyết các loại (tổng diện tích 10.858,7 m^2), 02 giảng đường (tổng diện tích 732 m^2), 38 phòng thí nghiệm (tổng diện tích 2.138,11 m^2), 25 phòng máy tính (tổng diện tích 1.037,34 m^2) và 28 xưởng thực tập, thực hành (tổng diện tích 3.304,8 m^2). Trường có 01 khu ký túc xá với tổng diện tích 5.472 m^2 có 96 phòng ở giải quyết được 960 chỗ lưu trú cho SV của Trường.

Thư viện Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM có tổng diện tích 485 m^2, số sách in có tại Thư viện hiện nay là 7.983 đầu sách tương ứng với 30.617 bản sách, trong đó có 5.832 đầu sách/26.109 bản sách phục vụ chuyên môn đào tạo, chiếm tỉ lệ 68,25%. Ngoài ra, Thư viện Trường còn xây dựng và hợp tác phát triển hệ thống tài nguyên thông tin điện tử, hiện có 1.300.062 tài liệu điện tử phục vụ GV và SV, trong đó có 258.073 tài liệu phục vụ chuyên môn đào tạo, chiến tỉ lệ 19,85%.

3.4.6. Hoạt động tài chính

Từ nhiều năm qua, kinh phí hoạt động của trường được hình thành từ hai nguồn: ngân sách Nhà nước cấp và từ các hoạt động sự nghiệp. Nguồn kinh phí cấp từ ngân sách chiếm khoảng 10% trong tổng nguồn thu của trường. Nguồn kinh phí từ các hoạt động sự nghiệp chiếm khoảng 90% tổng nguồn thu, nguồn thu này tăng dần qua các năm do trường cố gắng quản lý tập trung mọi nguồn thu về một đầu mối, trong đó, nguồn thu từ học phí chiếm tỷ trọng chủ yếu (khoảng 70%), tuy nhiên nguồn thu từ học phí bị giới hạn do quy định chung của nhà nước về mức thu học phí và quy mô đào tạo, nguồn thu từ các hoạt động lao động sản xuất, NCKH chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

Trường đã quản lý tốt các nguồn quỹ, đảm bảo chi kịp thời, đúng chế độ không để xảy ra tiêu cực, mất mát. Các khoản thu đều vượt kế hoạch, các khoản chi đảm bảo chấp hành theo Luật Ngân sách, theo dự toán được Bộ Công Thương xét duyệt và theo sự kiểm soát của Kho bạc nhà nước. Công tác chi tuân thủ đúng quy định về tài chính của Nhà nước và những mục tiêu tài chính do hội nghị công chức, viên chức đề ra.

3.5. Mục đích, quan điểm phát triển

Mục đích xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, việc Việt Nam gia nhập WTO, TTP đã làm xuất hiện nhiều cơ hội phát triển mới cũng như những thách thức trong quá trình phát triển đối với giáo dục đại học nói chung và hoạt động trường nói riêng. Chính vì vậy, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh cần thiết phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 nhằm hoạch định các mục tiêu, các hành động và các hệ thống giải pháp để đạt được các mục tiêu đã định. Cụ thể là:

- Làm định hướng chiến lược phát triển trong tương lai, là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của trường, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn.

- Làm cơ sở cho việc đổi mới tư duy trong quản lý và lãnh đạo của các cấp quản lý thuộc trường.

- Làm cơ sở để giám sát, tổng kết, đánh giá kết quả và điều chỉnh các mặt hoạt động của trường. Đồng thời, xây dựng các kế hoạch dự phòng nhằm ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của trường.

- Xây dựng nhóm thực hiện có năng lực phù hợp và tính chuyên nghiệp cao.

- Xây dựng và nâng cao tinh thần hợp tác với các đối tác bên ngoài.

Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 phải dựa trên những quan điểm sau:

- Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp chung của toàn thể cán bộ, công chức viên chức, người lao động và của người học. Tăng cường sự lãnh đạo của đảng, sự quản lý của chính quyền, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội trong phát triển giáo dục. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi trong giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư, chính sách tiền lương, học phí… Xây dựng môi trường học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách;

- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành để một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mặt khác phải chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng;

- Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới, nhất là với các nền giáo dục tiên tiến hiện đại; phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng từ bên ngoài;

- Hoạt động của nhà trường được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và sự quản lý thống nhất của BGH; chủ động dựa vào nội lực là chính, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của các loại hình kinh tế, giáo dục trong mối liên kết chặt chẽ, thúc đẩy nhau cùng phát triển;

- Hiện đại hoá toàn hệ thống giáo dục trên cơ sở kế thừa những thành quả đạt được, phát huy và tiếp thu tinh hoa nhân loại, nhanh chóng tiếp cận xu thế phát triển giáo dục tiên tiến trên thế giới;

- Gắn kết chặt chẽ đổi mới giáo dục với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực trình độ cao của đất nước và xu thế phát triển của khoa học và công nghệ trên thế giới;

- Thống nhất quan điểm đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho con người, cho phát triển nguồn nhân lực Việt Nam;

- Quy hoạch phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp với các quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành công thương và các vùng miền trên cả nước kết hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đảm bảo phát triển bền vững và lâu dài;

- Trên cơ sở đổi mới tư duy trong quản lý, kết hợp hợp lý và hiệu quả giữa việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và việc bảo đảm quyền tự chủ, tính minh bạch trong quản lý, tăng cường trách nhiệm xã hội, phát huy tính tích cực và chủ động của các cá nhân và tập thể trong công cuộc đổi mới mà nòng cốt là đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và sự hưởng ứng, tham gia tích cực của mọi đối tượng;

- Đẩy mạnh xã hội hoá mọi hoạt động trong toàn trường, phát huy hơn nữa hiệu quả quản lý của từng cá nhân và tập thể. Tranh thủ tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, đồng thời huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội trong việc xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp trong bối cảnh đất nước đang chủ động và khẩn trương hội nhập kinh tế quốc tế.

PHẦN IV
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

4.1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020, giáo dục đại học và sau đại học được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý đồng bộ và toàn diện, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo hợp lý để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động và có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới.

4.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

4.2.1. Đổi mới công tác quản lý

Đến năm 2020 sẽ có thêm nhiều trường đại học và cao đẳng tư thục ra đời theo chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Do đó, chắc chắn thị phần và nguồn đầu tư của Nhà nước sẽ bị chia sẻ và hướng tới tự chủ toàn phần. Khi đó sự cạnh tranh về chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; sự hấp dẫn đối với đội ngũ giảng viên (điều kiện sống và làm việc, thu nhập, cơ hội bồi dưỡng nâng cao trình độ...); sự cạnh tranh trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ... sẽ ngày càng trở nên khốc liệt. Vì thế cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

- Rà soát, bổ sung, thay thế hệ thống văn bản, quy chế, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị theo hướng tăng cường tính gắn kết và phối hợp; hoàn thiện quy trình công tác, đảm bảo sự điều hành thống nhất và phát huy sức mạnh tổng hợp trong toàn trường;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện thống nhất đầu mối quản lý và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý, thực hiện đồng bộ phân cấp quản lý, hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa các đơn vị theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các đơn vị đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của các tổ chức chính trị xã hội, của người học và nhân dân;

- Thực hiện nghiêm cơ chế người học tham gia đánh giá người dạy, giáo viên và giảng viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, cán bộ quản lý cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, có tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm;

- Rà soát, chỉnh sửa và bổ sung khung chương trình bảo đảm thuận tiện sự liên thông của các cấp học, ngành học; giải quyết tốt mối quan hệ về khối lượng kiến thức và thời lượng học tập giữa các môn giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả đào tạo của từng môn học. Đổi mới nội dung đào tạo, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nghề nghiệp trong xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng lĩnh vực, tiếp cận trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển tiềm năng nghiên cứu sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hoạt động trong cộng đồng và khả năng lập nghiệp của người học;

- Tập trung vào quản lý chất lượng giáo dục. Chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý, từng bước vận dụng chuẩn của các nước tiên tiến; công khai về chất lượng giáo dục, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, thực hiện kiểm định chất lượng các cấp học, trình độ đào tạo và kiểm định các chương trình giáo dục đại học và sau đại học;

- Thực hiện quản lý nhà trường theo quy hoạch, kế hoạch chiến lược và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của từng ngành, từng địa phương trong từng giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển chung của nhà trường và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước, khu vực và trên thế giới;

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng máy tính để ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông một các toàn diện và đồng bộ trong toàn hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tại tất cả các đơn vị trong trường;

- Xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học với hệ thống chỉ số đánh giá chất lượng của đội ngũ giảng viên thông qua khối lượng giờ giảng đảm nhận, các công trình NCKH, các tài liệu, giáo trình biên soạn, quỹ thời gian dành cho học tập, NCKH, tự đào tạo và các công tác khác đảm bảo khoa học, chính xác ;

- Xây dựng văn hóa quản lý, tổ chức hỗ trợ, quan tâm và chia sẻ lẫn nhau, xây dựng môi trường công tác, giảng dạy và học tập chuẩn mực, đoàn kết, tôn trọng, vị tha và nhân ái trong toàn trường.

4.2.2. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

- Thực hiện chính sách chiêu hiền đãi sỹ, thu hút người tài, các chuyên gia đầu ngành kể cả người nước ngoài, kết hợp gửi giảng viên đi đào tạo tiến sỹ trong nước và nước ngoài để đạt tỷ lệ 90% giảng viên đạt trình độ thạc sỹ và 25% đạt trình độ tiến sỹ. Trưởng khoa và Tổ trưởng bộ môn phải đạt trình độ từ tiến sỹ trở lên;

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn cả lý thuyết và thực tế, có đủ năng lực tiếp cận với những kiến thức hiện đại, có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phù hợp với xu hướng của các đại học tiên tiến trên thế giới, có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, gắn bó và hết lòng vì sự nghiệp giáo dục, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến;

- Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức, đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của trường. Ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sỹ, thạc sỹ loại xuất sắc hoặc giỏi từ nhiều nguồn để bổ sung và đa dạng hóa cán bộ và gảng viên; đội ngũ giảng viên đạt 600 người để bảo đảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên không quá 25;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, có năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý cán bộ, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cá nhân; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý... Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ thực sự có năng lực, tâm huyết với nghề nghiệp và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín với tập thể;

- Xây dựng và thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược, đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được bổ sung, hoàn thiện, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của tập thể làm thước đo chủ yếu. Thực hiện luân chuyển cán bộ theo vị trí việc làm, nhiệm vụ quản lý. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển;

- Xây dựng đề án sử dụng và phát triển nguồn nhân lực theo vị trí việc làm của trường phù hợp với tiêu chuẩn ngạch bậc, chức danh đảm nhiệm cho từng giai đoạn phát triển đạt hiệu quả tối ưu nhất, sử dụng hiệu quả nhất, bố trí công việc đúng với khả năng của từng người, tạo điều kiện để họ phát huy cao nhất sở trường của mình, tạo thế ổn định để phát triển, thực hiện tốt các chỉ số đo lường đảm bảo đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực tốt nhất, đồng thời thể hiện tính rõ ràng và tính chịu trách nhiệm của từng cá nhân.

4.2.3. Chiến lược phát triển đào tạo

- Chất lượng đào tạo thể hiện rõ giá trị của trường và là mục tiêu chung trong chiến lược phát triển đào tạo của trường suốt giai đoạn 2015-2030;

- Giữ vững quy mô đào tạo đại học chính quy ở mức ổn định như hiện nay, chú trọng tăng cường phát triển đào tạo trình độ sau đại học, đồng thời trường cũng đáp ứng yêu cầu đào tạo của hệ không chính quy, văn bằng 2 và hoàn chỉnh đại học với chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo thích hợp;

- Đổi mới chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học một cách toàn diện có tham khảo các đơn vị sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân, vận dụng có chọn lọc một số chương trình tiên tiến trên thế giới, phát huy vai trò thế mạnh trong từng khối ngành, nghề đào tạo làm nòng cốt cho sự phát triển đột phá để khẳng định thương hiệu của trường.

- Phát triển các chương trình đào tạo đại học một cách mềm dẻo theo nhu cầu xã hội và định hướng nghiên cứu ứng dụng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Cải tiến phương pháp đào tạo theo 3 tiêu chí: trang bị cách học; phát huy tính chủ động của người học; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động dạy và học; Khai thác triệt để kết hợp mở rộng cổng thông tin của HUFI với các nguồn tư liệu giáo dục mở, nguồn mua, thuê, liên kết và nguồn tư liệu trên mạng internet với các trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học trên thế giới đảm bảo có đủ tài liệu, giáo trình cho người học; Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu đồng bộ và cập nhật, phát triển và quản lý có hiệu quả hệ thống học liệu trong toàn trường;

- Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng và hệ thống kiểm định giáo dục đại học trong nước và khu vực, tiến tới kiểm định chất lượng ở các cấp khác nhau đồng thời từng bước đăng ký kiểm định chất lượng theo chuẩn của các nước trong khu vực (AUQNA - Asean University Quality Network Assurance); tiến đến đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học;

- Đẩy mạnh công tác giáo dục toàn diện đạo đức, lý tưởng, trang bị các kỹ năng sống và sinh hoạt cộng đồng cho học sinh sinh viên. Tăng cường công tác quản lý đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, bạo lực học đường và tệ nạn xã hội trong toàn trường;

- Cải tiến phương pháp giảng dạy, lấy người học làm trung tâm; triệt để áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quản lý, giảng dạy và học tập nhằm mở rộng các hình thức học tập đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi người, giúp người học hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và nâng cao chất lượng cuộc sống;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ toàn diện theo hướng mở tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài, đảm bảo tất cả các ngành đào tạo đại học đều có đào tạo thạc sỹ;

- Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM là cơ sở giáo dục - đào tạo đáng tin cậy về chất lượng trên cả nước.

4.2.4. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

- Quy định cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên, gắn việc đào tạo cao học và nghiên cứu sinh với việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ. Có chính sách phù hợp để sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tích cực tham gia nghiên cứu khoa học;

- Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các đơn vị, gắt kết chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh. Các khoa mũi nhọn phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, tư vấn và dịch vụ đạt tối thiểu 30% tổng nguồn thu của nhà trường;

- Khuyến khích các đơn vị thuộc trường mở các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ cũng như cung ứng nhân lực và góp phần cung ứng nhân lực cho thị trường lao động trong và ngoài nước;

- Phát triển mạng lưới liên kết với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nhằm tận dụng nguồn lực, thế mạnh về đội ngũ và cơ sở vật chất của các cơ quan nghiên cứu trong việc thực hiện nhiệm vụ và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, chuyên gia, các nhà khoa học thông qua đào tạo trong nước, ngoài nước và trao đổi hợp tác quốc tế;

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ cho giáo dục, tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ góp phần đổi mới chương trình đào tạo dựa trên những kết quả NCKH trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và năng lực quả lý của trường; tăng số lượng lưu học sinh nước ngoài tại HUFI;

- Xây dựng chiến lược hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực hợp tác quốc tế để thu hút các nhà khoa học trong nước, quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm tăng sức cạnh tranh của giáo dục trong nước, thúc đẩy sự phát triển;

- Xây dựng một số chương trình đào tạo quốc tế giảng dạy bằng ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quốc tế, trước mắt là bằng tiếng Anh; nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo và nghiên cứu có khả năng thu hút người nước ngoài; tiếp thu có chọn lọc các chương trình đào tạo tiên tiến của thế giới;

- Đạt được thoả thuận về tương đương văn bằng, chương trình đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới; khuyến khích các hình thức liên kết đào tạo chất lượng cao, trao đổi giảng viên, chuyên gia với nước ngoài;

- Tiếp tục duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có, mở rộng hợp tác với các trường, các tổ chức trong và ngoài nước; đa dạng hóa loại hình và đa phương hóa đối tác, để tăng cường cử giảng viên, cán bộ quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ của trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới;

- Khuyến khích du học tại chỗ; có cơ chế tư vấn và quản lý thích hợp để giúp sinh viên Việt Nam du học định hướng ngành nghề, lựa chọn trường và học tập có chất lượng, đạt hiệu quả cao;

- Mở rộng liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường tiên tiến trên thế giới nhằm học hỏi kinh nghiệm, đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên và chương trình, giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập.

4.2.5. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

- Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng để xây dựng và phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh. Việc phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo các mục tiêu cụ thể như: (i) đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của trường, trong đó không ngừng nâng cao thu nhập cho người lao động; (ii) tăng cường chi cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; và (iii) đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển;

- Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực của nhà trường và xã hội đầu tư cho giáo dục; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm đối với nhà nước, người học và xã hội, đảm bảo nguồn lực tài chính đủ sức hội nhập và cạnh tranh quốc tế;

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu; tập trung đầu tư xây dựng một số phòng thí nghiệm, thực hành trọng điểm, dùng chung cho khối ngành kinh tế, khối ngành hóa và khối ngành cơ khí đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế;

- Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển đào tạo nhân lực, đặc biệt đào tạo nhân lực chất lượng cao và nhân lực thuộc ngành nghề mũi nhọn. Quy định trách nhiệm của các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và gia đình trong việc đóng góp nguồn lực và tham gia các hoạt động giáo dục, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người, góp phần từng bước xây dựng xã hội học tập, bảo đảm quyền sở hữu theo pháp luật và các quyền lợi về vật chất và tinh thần của nhà đầu tư;

- Các đơn vị đào tạo chủ động thực hiện đa dạng hoá nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ, các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

- Xây dựng và thực hiện chế độ học phí mới theo đề án tự chủ và các chế độ học bổng, tín dụng sinh viên trên cơ sở xác lập những nguyên tắc chia sẻ hợp lý chi phí giáo dục đào tạo giữa nhà nước, nhà trường, người học và các thành phần xã hội. Đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo…;

- Thực hiện hạch toán thu - chi đối với các cơ sở thuộc trường quản lý, tạo điều kiện để các cơ sở có quyền tự chủ cao trong thu - chi theo nguyên tắc lấy các

nguồn thu bù các khoản chi hợp lý, có tích lũy cần thiết để phát triển cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu;

- Đổi mới cơ chế phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý trong phân phối thu nhập làm tác động tiêu cực đến sự cống hiến của người lao động nói chung như hiện nay. Phấn đấu doanh thu đạt 500 tỷ đồng/năm và thu nhập bình quân 12 triệu đồng/người/tháng.

4.2.6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật

- Phát triển cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, phù hợp và đồng bộ với quy mô, đặc điểm đào tạo, NCKH, đảm bảo hiệu quả cao trong sử dụng, không lạc hậu về công nghệ phục vụ hoạt động giáo dục đào tạo ổn định, có sự phân tầng về chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bảo đảm hợp lý cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, phù hợp với chủ trương xã hội hoá giáo dục và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của khu vực;

- Tập trung nguồn lực để hoàn thiện và đưa vào sử dụng Trung tâm thí nghiệm thực hành hai giai đoạn, cải tạo nhà E cho thư viện và nhà D cho Trung tâm đào tạo quốc tế đạt chuẩn quốc tế, kết hợp sửa chữa nâng cấp văn phòng làm việc của các đơn vị, các phòng học tại cơ sở Lê Trọng Tấn;

- Tích lũy tài chính để mở rộng cơ sở tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian sớm nhất và khẩn trương thực hiện việc xây dựng cơ bản để cân bằng giữa cơ sở hạ tầng và số lượng học sinh sinh viên đảm bảo môi trường, điều kiện giảng dạy, NCKH, làm việc và học tập khang trang, hiện đại. Nhanh chóng kết thúc tình trạng phân tán về cơ sở và mặt bằng giảng dạy, học tập, NCKH, làm việc…;

- Đảm bảo đầy đủ các phòng thực hành vi tính, thực hành ngoại ngữ theo yêu cầu đào tạo, các phòng thực hành vi tính có đầy đủ thiết bị, được cài đặt các chương trình mô phỏng cho các chuyên ngành đào tạo phục vụ nhu cầu NCKH, soạn bài giảng, bài tập tình huống của giảng viên đồng thời tổ chức thực tập cho sinh viên. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu đa phương tiện và được phủ sóng internet trong toàn khuôn viên trường để lượng thông tin trao đổi giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên, học viên một cách đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và thông suốt;

- Xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ một mạng thông tin truyền thông nội bộ kết nối toàn hệ thống để tăng khả năng trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả. Hệ thống mạng nội bộ đảm bảo băng thông, an toàn và mức độ ổn định cao phục vụ cho việc truy cập, sử dụng, khai thác và trao đổi thông tin nội bộ, đồng thời đảm bảo việc truy cập thông tin từ internet. Hướng tới xây dựng hệ thống e-learning để đào tạo qua mạng với hệ thống thiết bị và các phần mềm chuyên dùng đảm bảo được hoạt động ổn định của các phân hệ trong hệ thống e-learning;

- Xây dựng trung tâm tài nguyên thông tin điện tử trên cơ sở thư viện hiện nay bao gồm hệ thống quản lý tài nguyên số, hệ thống quản lý nghiệp vụ thư viện, hệ thống tạo lập, cung cấp tài nguyên thông tin nhằm tập trung khai thác, lưu trữ tất cả các tài liệu, thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu của trường, đồng thời

là nơi cung cấp học liệu điện tử để phục vụ cho đào tạo theo phương thức e-learning. Trung tâm phải đảm bảo đáp ứng khả năng sử dụng thư viện trực tuyến đến các điểm thông tin trong trường và cho cả sinh viên, học viên từ bên ngoài trường. Tăng cường khả năng liên kết với các hệ thống thư viện điện tử khác kết hợp với hệ thống số hóa tài liệu (tài liệu, âm thanh, hình ảnh…) để thuận tiện trong việc tra cứu, đảm bảo mức độ sử dụng là lớn nhất.

4.2.7. Công tác học sinh sinh viên

- Xây dựng phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên TP.HCM;

- Trên cơ sở khảo sát nhà tuyển dụng về yêu cầu các kỹ năng mềm đối với sinh viên khi tham gia tuyển dụng, Trường tiến hành xây dựng chương trình và đào tạo ngắn hạn một số kỹ năng giúp sinh viên có tâm thế tự chủ sau khi tốt nghiệp;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, qua đó tổng hợp nhu cầu tuyển dụng để tổ chức ngày hội việc làm hàng năm hoặc giới thiệu sinh viên đáp ứng yêu cầu vị trí tuyển dụng của doanh nghiệp.

4.2.8. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

- Các cấp quản lý phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước và các quy chế, quy định của trường; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong quản lý, giữ gìn đoàn kết nội bộ; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính; kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoạt động của hệ thống thanh tra nhân dân và thanh tra giáo dục. Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các tổ chức đảng và các đơn vị bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên.

- Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công tác để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hoạt động của trường. Khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo các đơn vị chức năng. Đổi mới phương thức lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, tôn trọng nguyên tắc dân chủ trong tổ chức và hoạt động. Đổi mới phong cách, lề lối làm việc của công chức, viên chức và người lao động, nhất là người đứng đầu đơn vị phải làm gương. Thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Đổi mới phương thức quản lý, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các quy chế, quy định. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý và điều hành, khắc phục

tình trạng rườm rà, bất hợp lý về thủ tục, giảm bớt giấy tờ, hội họp; sâu sát thực tế, cơ sở; nói đi đôi với làm.

- Tích cực thực hành tiết kiệm, phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí. Phòng và chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Mọi công chức, viên chức và người lao động, trước hết là người đứng đầu phải gương mẫu thực hiện và trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí. Nghiên cứu phân cấp quản lý và tự chịu trách hiệm trong phòng, chống tham nhũng. Chú trọng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Thực hiện chế độ công khai, minh bạch về kinh tế, tài chính, tài sản, thu nhập theo quy định. Công khai, minh bạch về cơ chế, chính sách, các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm từ ngân sách nhà nước, huy động các nguồn vốn và nguồn thu của trường… Cải cách chính sách tiền lương, thu nhập và các chính sách khác góp phần phòng, chống tham nhũng. Xây dựng chế tài xử lý những tổ chức, cá nhân gây thất thoát, lãng phí tài sản, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của các đơn chức năng. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đồng thời kỷ luật nghiêm những người bao che, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Coi trọng và nâng cao vai trò của các đoàn thể trong việc giám sát phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; cổ vũ, động viên phong trào tiết kiệm trong các hoạt động của trường.

4.3. Lộ trình thực hiện

4.3.1. Giai đoạn 2015 – 2018

a) Xây dựng chiến lược cụ thể cho từng mảng công tác

- Chiến lược phát triển đào tạo;
- Chiến lược phát triển hoạt động khoa học và công nghệ;
- Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế;
- Chiến lược đảm bảo chất lượng;
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực;
- Chiến lược phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật;
- Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính.

b) Xây dựng chương trình hành động để thực hiện chiến lược

- Chương trình hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý;
- Chương trình hoàn thiện thể chế và chính sách;
- Chương trình phát triển chương trình đào tạo;
- Chương trình phát triển nghiên cứu khoa học – công nghệ;
- Chương trình phát triển hợp tác quốc tế;

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực;
- Chương trình phát triển nguồn lực tài chính;
- Chương trình phát triển nguồn lực vật chất và đầu tư khác;
- Chương trình truyền thông, quảng bá và xây dựng thương hiệu.

c) Xác định các dự án sẽ triển khai thực hiện

- Dự án "Tin học hóa công tác quản lý trong tất cả mọi hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM";
- Dự án "Trung tâm Thí nghiệm thực hành";
- Dự án "Dạ phi cơ".

4.3.2. Giai đoạn 2018 – 2020

- Triển khai thực hiện các chiến lược và chương trình hành động, tổ chức tổng kết đánh giá và điều chỉnh chiến lược phát triển chung của Trường;
- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký xếp hạng Trường thuộc nhóm 1 trong phân tầng gồm các trường đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng;
- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia.

4.4. Tổ chức thực hiện

4.4.1. Tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức đối với toàn thể cán bộ, công chức, sinh viên của trường trong việc thực hiện kế hoạch chiến lược;
- Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện cho các cá nhân, bộ phận, đơn vị chức năng (trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực...);
- Xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể từng năm thực hiện kế hoạch chiến lược chung của toàn trường và của từng đơn vị theo từng giai đoạn;
- Xây dựng ma trận hành động chiến lược. Mỗi hoạt động nêu rõ: mục tiêu cần đạt, thời gian thực hiện, các nguồn lực bảo đảm; cá nhân hoặc tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp; các chỉ số đầu ra (kết quả, hiệu quả, tác động...); các chỉ số đo và xác nhận các chỉ số;
- Các biện pháp ứng phó với sự thay đổi, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

4.4.2. Hệ thống chỉ số thực hiện để đo và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược

- Phát triển quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ, chất lượng đào tạo: Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý đi đôi với đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, xác định những ngành nghề mũi nhọn là thế mạnh của trường; đẩy mạnh quy mô tuyển sinh sau đại học;
- Quy mô và chất lượng; hiệu quả, kết quả, năng lực nghiên cứu, dịch vụ: Chất lượng đào tạo là trọng tâm, đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đảm bảo sức cạnh tranh với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực trong nước, xác

định các hướng đào tạo mũi nhọn, tập trung nguồn lực để giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng để làm nên thương hiệu của trường. Coi trọng hiệu quả của các hoạt động đào tạo, khoa học - công nghệ và phát triển dịch vụ;

- Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý (số lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ). Có giải pháp tích cực để đào tạo cán bộ trẻ có trình độ cao, đảm trách tốt công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ khoa học đầu đàn;

- Phát triển chương trình và thương hiệu: Tiếp tục tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hình thành một số phòng thực hành hiện đại để có thể thực hiện các dịch vụ đo lường, đánh giá và nghiên cứu khoa học;

- Thu chi và phân phối lợi ích, phân bổ các nguồn lực: Mở rộng các nguồn thu tài chính, đặc biệt các nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế và các dịch vụ đào tạo. Công tác phân phối lợi ích theo nguyên tắc công khai, minh bạch trên cơ sở hiệu quả công tác của cán bộ, công chức;

- Phân khúc thị trường và sức cạnh tranh: Giữ vững những thế mạnh truyền thống của trường đã được khẳng định và được thị trường chấp nhận. Chủ động trong cạnh tranh với các lĩnh vực mới trên cơ sở lấy chất lượng đào tạo làm thước đo, chủ động mở rộng thị trường đào tạo ra ngoài khu vực và quốc tế (trước hết là các nước trong khu vực, các nước có mối quan hệ truyền thống với trường);

- Quản lý và năng lực quản lý: Đổi mới tư duy quản lý, linh hoạt, chủ động và sáng tạo; tạo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quản lý trong trường. Coi trọng hiệu quả quản lý, đề cao nguyên tắc tự quyết định và tự chịu trách nhiệm. Cải cách cơ chế quản lý hành chính theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả;

- Chi phí-hiệu quả, các tác động bên trong và bên ngoài: Phát huy nội lực, chủ động khai thác các cơ hội, coi trọng hiệu quả và tính bền vững của các mối quan hệ;

- Quan hệ hợp tác và tăng trưởng; các bên liên đới, đối tác: Chủ động, linh hoạt trong quan hệ với các bên liên đới, coi trọng lợi ích của tất cả các bên liên quan cùng với lợi ích của trường.

4.4.3. Tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện và kết quả

- Đo lường, đánh giá kết quả sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả giáo dục trong quá trình thực hiện là một vấn đề khó khăn và hết sức quan trọng để đảm bảo kế hoạch thực hiện đúng mục tiêu, đồng thời điều chỉnh được những sai lệch và hạn chế được rủi ro. Một trong những nhiệm vụ được ưu tiên thực hiện của trường chính là thực hiện kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tiêu chuẩn AUN-QA, đối sánh với tiêu chuẩn EFQM của Châu Âu;

- Thực hiện nghiêm túc nội dung và phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá theo từng chỉ số, theo từng mục tiêu và đánh giá tổng thể trường. Tổng hợp lại mức đạt được về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đưa ra những đánh giá

chung về hiện trạng đảm bảo chất lượng đào tạo của trường, khuyến nghị ưu tiên đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và hiệu quả đạt được.

PHẦN V
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- **Về chất lượng**: Chất lượng cao trong HUFI là sự phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn hướng đến trình độ khu vực và quốc tế mang lại lợi ích cho tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và toàn xã hội... Chất lượng này vừa là động lực cho mọi hành động vừa là mục tiêu phấn đấu của toàn thể giảng viên, nhà khoa học, cán bộ quản lý và sinh viên. Chất lượng trong HUFI được thể hiện trong mọi mặt hoạt động và các cấp độ tổ chức cũng như cấp độ hành động của mỗi đơn vị và cá nhân;

- **Về tính sáng tạo**: HUFI là một môi trường tự do sáng tạo, luôn phát hiện và khuyến khích sự sáng tạo. Chủ động, sáng tạo là yếu tố sống còn để đột phá tạo những thành tựu nổi bật, khẳng định vị thế của HUFI với tư cách như một đại học nghiên cứu và ứng dụng hàng đầu của Việt Nam, ngang tầm khu vực và tiến tới trình độ quốc tế;

- **Về tính tiên phong**: Đi đầu luôn được coi là tiêu chí nhận dạng của các hoạt động và đội ngũ cán bộ của HUFI trong hệ thống các trường đại học ở Việt Nam: tiên phong trong đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu khoa học đỉnh cao, dịch vụ cộng đồng; tiên phong trong việc áp dụng các phương pháp mới trong quản trị đại học, quản lý đào tạo, đánh giá chất lượng, tiên phong nghiên cứu những lĩnh vực mới, triển khai thực hiện đào tạo những ngành hoàn toàn mới ở Việt Nam. Tiên phong của HUFI góp phần cho giáo dục Việt Nam gần hơn với khu vực và trên thế giới;

- **Về tinh thần trách nhiệm**: HUFI có trách nhiệm cao trước xã hội, đặt nhu cầu xã hội ở một vị trí xứng đáng trong mục tiêu và hành động; là địa chỉ tin cậy của mọi đối tượng học tập, cam kết mạnh mẽ về sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, thực hiện các nghiên cứu theo những chuẩn mực được quốc tế thừa nhận. Trách nhiệm xã hội thể hiện trong từng hành động của mỗi cá nhân cũng như trong các văn bản, chính sách điều hành của HUFI;

- **Về phát triển bền vững**: HUFI luôn quan tâm đến việc phát triển không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại của đất nước mà còn hướng đến tương lai. Sự tích hợp các trụ cột cơ bản bao gồm cả môi trường, xã hội, kinh tế và thể chế là nền tảng cơ bản để HUFI phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc khai thác các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực luôn được thực hiện vừa đảm bảo sự tái sản xuất vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước;

- **Khẩu hiệu hành động (Slogan)**: Uy tín – Chất lượng – Phát triển – Hội nhập.

KẾT LUẬN

Trên đây là văn bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Bản kế hoạch chiến lược này được xây dựng xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn nhằm đáp ứng vai trò quan trọng của trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành công thương và cả nước.

Mục tiêu chiến lược phát triển trong giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của trường là: "Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và tư vấn khoa học công nghệ ở Việt Nam và khu vực châu Á; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý có chuyên môn cao, có năng lực NCKH; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ mọi hoạt động của trường; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hội nhập toàn cầu".

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế mở, đặc biệt trong xu thế hội nhập toàn cầu, Đảng ủy - Ban Giám hiệu tin tưởng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với sự đồng lòng, nhất trí cao của tất cả các thành viên trong trường, sẽ cùng nhau nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt các mục tiêu mà trường đã đề ra.

Nội dung của từng mảng phát triển trong kế hoạch cũng sẽ được cụ thể hóa theo các giai đoạn thích hợp và sẽ được cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể. Hàng năm, trường sẽ tổ chức sơ kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh nhằm xây dựng kế hoạch hành động năm tiếp theo cho phù hợp với chiến lược phát triển.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Hoàn